

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 345/2022/DS-ST
Ngày: 30-11-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thu Hồng.
2. Ông Nguyễn Đức Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Thành Chí - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 203/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 91/2022/QĐST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Diệp Minh T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Chị Hồ Thị N, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 82 Ô2, khu 1, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo giấy ủy quyền ngày 07/4/2022).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1964;
Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn V, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

(bà N có mặt, ông L vắng mặt, bà T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Diệp Minh T và đại diện theo ủy quyền là chị Hồ Thị N trình bày:

Anh T và ông Nguyễn Văn L là chỗ quen biết, do cần vốn làm ăn nên ông L có hỏi vay tiền của anh T nhiều lần, cụ thể như sau:

- Ngày 19/11/2020 vay 185.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng;

- Ngày 02/12/2020 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng;
- Ngày 18/12/2020 vay 5.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng;
- Ngày 27/12/2020 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 02%/tháng;
- Ngày 16/7/2021 vay 100.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng;
- Ngày 27/11/2021 vay 130.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng;
- Ngày 02/12/2021 vay 10.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng;
- Ngày 14/01/2022 vay 3.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất;
- Ngày 05/3/2022 vay 235.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng;

Tổng cộng ông L vay của anh T số tiền 688.000.000 đồng. Thời hạn vay mỗi lần tuy không thể hiện trong các biên nhận nhưng hai bên thỏa thuận miệng là từ 15 đến 17 ngày.

Các lần vay có làm giấy mượn tiền do ông L trực T viết và ký tên, các biên nhận này đã nộp cho Tòa án.

Từ khi vay đến nay ông L không có trả cho anh T tháng tiền lãi nào, cũng chưa trả vốn nhưng do chỗ quen biết nên khi ông L hỏi vay tiền thì anh T đồng ý cho vay.

Nay anh T yêu cầu ông L trả số tiền 688.000.000 đồng và tiền lãi cụ thể như sau:

- Số tiền 185.000.000 đồng vay ngày 19/11/2020; số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 02/12/2020, số tiền 5.000.000 đồng vay ngày 18/12/2020, số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 27/12/2020; tổng cộng là 210.000.000, yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2021 cho đến ngày xét xử, theo mức lãi suất 1,66%/tháng;

- Số tiền 100.000.000 đồng vay ngày 16/7/2021, yêu cầu tính lãi từ ngày 16/8/2021 đến ngày xét xử; theo mức lãi suất 1,5%/tháng;

- Số tiền 130.000.000 đồng vay ngày 27/11/2021 và số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 02/12/2021; tổng cộng là 140.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 02/01/2022 đến ngày xét xử; theo mức lãi suất 1,5%/tháng

- Số tiền 235.000.000 đồng vay ngày 05/3/2022, yêu cầu tính lãi từ ngày 05/4/2022 đến ngày xét xử; theo mức lãi suất 1,5%/tháng

- Đối với số tiền 3.000.000 đồng tại giấy mượn tiền ngày 14/01/2022 thì không yêu cầu tính lãi.

Ngoài yêu cầu trả số tiền còn nợ, anh T còn yêu cầu ông L phải hoàn lại cho anh T toàn bộ chi phí giám định là 2.300.000 đồng.

Yêu cầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai cùng ngày 27/9/2022 ông L trình bày: cuối năm 2019 ông L có vay tiền của bà T (mẹ ruột của anh Diệp Minh T) số tiền 90.000.000 đồng nhưng bà T kêu ông viết giấy nợ là mượn tiền của anh T chứ không phải ghi nợ bà T, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng nhưng trên giấy tờ chỉ ghi là 02%/tháng, trả lãi hàng tháng. Sau đó do không có tiền trả lãi nên ông lại mượn tiền bà T nhiều lần rồi cộng dồn vốn và lãi là 235.000.000 đồng và ông L có viết giấy mượn tiền ngày 05/3/2022 nội dung mượn của anh Diệp Minh T số tiền 235.000.000 đồng.

Các giấy mượn tiền mà anh T cung cấp cho Tòa án là do ông L viết và ký tên.

Tuy nhiên, giấy nợ ngày 19/11/2020 có hai mặt tổng cộng nợ là 210.000.000 đồng là ông L đã trả bớt bà T và bà T viết giấy nhận nợ đưa cho ông L, nhưng ông L đã hủy những giấy này, hiện không còn giữ. Giấy nợ ngày 16/7/2021 ông L còn nợ 100.000.000 đồng, đến giấy nợ ngày 27/11/2021 mặt trước số nợ là 130.000.000 đồng, mặt sau là 10.000.000 đồng, là tổng tiền nợ của giấy mượn tiền ngày 16/7/2021 và tiền lãi của tháng 8, tháng 9, tháng 10, tháng 11 nên mới tổng cộng nợ là 140.000.000 đồng chứ không phải ông L mượn thêm số tiền 130.000.000 đồng và 10.000.000 đồng. Khi ông L viết giấy mượn tiền ngày 16/7/2021 thì ông L có đòi bà T lại giấy mượn tiền trước ngày 16/7/2021 nhưng bà T nói thất lạc rồi.

Giấy mượn tiền ngày 14/01/2022 số tiền 3.000.000 đồng là ông L mượn bà T để tiêu xài tết và T đứng tên chủ nợ như những lần trước đây.

Ngoài giấy mượn tiền ngày 14/01/2022 số tiền 3.000.000 đồng thì những giấy mượn tiền còn lại là những lần mượn tiền trước rồi ông L có trả bớt, sau đó đến ngày 05/3/2022 ông L và bà T tổng kết nợ lại ông L còn nợ bà T tổng cộng là 235.000.000 đồng.

Việc giao dịch tiền giữa ông L và bà T chỉ có ông L và bà T, việc ông L đòi bà T những giấy nợ cũ và bà T nói lạc mất thì chỉ có ông L và bà T biết, không có ai làm chứng.

Việc ông viết các giấy mượn tiền không bị ai ép buộc hay đe dọa. Thực tế ông L trả lãi 10%/tháng nhưng trên giấy mượn tiền chỉ thể hiện lãi từ 1,5 đến 02%/tháng, tuy nhiên ông L không có gì chứng minh việc trả lãi 10%/tháng.

Số tiền anh T yêu cầu ông L phải trả là 688.000.000 đồng là nợ chồng nợ, tuy nhiên ông L không có chứng cứ để chứng minh.

Hiện nay ông L chỉ còn nợ bà T số tiền 238.000.000 đồng gồm vốn và lãi theo giấy mượn tiền ngày 05/3/2022 và giấy mượn tiền ngày 14/01/2022.

Số nợ này trong giấy tờ thể hiện ông L nợ của anh T nên ông L đồng ý trả cho anh T số tiền 238.000.000 đồng, không đồng ý trả 688.000.000 đồng.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị T trình bày: Diệp Minh T là con của bà T. Bà T biết anh T có cho ông L vay tiền, mỗi lần vay tiền ông L có ghi biên nhận cho anh T, sau khi ghi biên nhận thì những lúc có bà ở nhà thì anh T đưa tiền cho bà đếm phụ để anh T đưa cho ông L, những lúc bà không có ở nhà thì anh T trực T đếm tiền và giao tiền cho ông L. Việc vay tiền là do ông L vay của anh T chứ không phải tiền của bà.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Văn L vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông L và bà T.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Diệp Minh T yêu cầu ông Nguyễn Văn L trả số tiền vốn 688.000.000 đồng.

Chứng cứ anh T cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là 05 giấy mượn tiền do ông L viết và ký tên.

Ông L thừa nhận chữ viết và chữ ký trong các giấy mượn tiền mà anh T cung cấp cho Tòa án là do ông viết và ký tên. Ông L cho rằng hiện tại ông chỉ còn nợ anh T số tiền 235.000.000 đồng gồm vốn và lãi theo giấy mượn tiền ngày 05/3/2022 và số tiền 3.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 14/01/2022; tổng cộng là 238.000.000 đồng; số tiền 688.000.000 đồng anh T yêu cầu là nợ chồng nợ, nhưng ông L không có chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình.

Đồng thời theo Kết luận giám định số 699/KL-KTHS(Đ2) ngày 12/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tiền Giang kết luận:

- Chữ ký mang tên “Nguyễn Văn L” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 so với chữ ký mang tên “Nguyễn Văn L” trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký ra.

- Chữ viết bằng mực bút bi đứng tên “Nguyễn Văn L” trên tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 so với chữ viết họ tên “Nguyễn Văn L” (phía dưới chữ ký) trên tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết ra.

Như vậy đã đủ cơ sở chứng minh ông Nguyễn Văn L có vay của anh T số tiền 688.000.000 đồng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của anh T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về lãi suất: Anh T yêu cầu tính lãi suất, cụ thể:

- Số tiền 210.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2021 cho đến ngày xét xử, theo mức lãi suất 1,66%/tháng;

- Số tiền 100.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 16/8/2021 đến ngày xét xử; theo mức lãi suất 1,5%/tháng;

- Số tiền 140.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 02/01/2022 đến ngày xét xử; theo mức lãi suất 1,5%/tháng

- Số tiền 235.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 05/4/2022 đến ngày xét xử; theo mức lãi suất 1,5%/tháng.

Hội đồng xét xử xét thấy theo giấy mượn tiền ngày 19/11/2020 thể hiện lãi suất 2%/tháng là vượt quá quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, tuy

nhiên tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của anh T yêu cầu tính lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Đối với số tiền còn lại theo giấy mượn tiền thể hiện lãi suất 1,5%/tháng nên yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

Do đó, số tiền lãi được tính như sau:

- Số tiền 210.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 22 tháng 29 ngày = 80.061.800 đồng.

- Số tiền 100.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 15 tháng 14 ngày = 23.200.000 đồng.

- Số tiền 140.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 10 tháng 28 ngày = 22.960.000 đồng.

Số tiền 235.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 07 tháng 25 ngày = 27.612.500 đồng.

Tổng tiền lãi là 153.834.300 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi ông L phải trả cho anh T là 841.834.300 đồng.

[5] Về thời gian trả tiền: Anh T yêu cầu ông L trả nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét việc ông L chậm thanh toán nợ đã ảnh hưởng đến quyền lợi của anh T do đó anh T yêu cầu ông L trả tiền ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về chi phí giám định: Anh T yêu cầu ông L phải trả cho anh toàn bộ chi phí giám định là 2.300.000 đồng.

Kết quả giám định chứng minh yêu cầu của anh T là có căn cứ. Do đó anh T yêu cầu ông L trả lại anh chi phí giám định là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Do yêu cầu của anh T được chấp nhận nên ông L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 228, Điều 235, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Diệp Minh T.

Buộc ông Nguyễn Văn L có nghĩa trả cho anh Diệp Minh T số tiền vốn 688.000.000 đồng và lãi 153.834.300 đồng, tổng cộng là 841.834.300 đồng (tám trăm bốn mươi một triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, ông Nguyễn Văn L còn có nghĩa vụ trả cho anh Diệp Minh T chi phí giám định với số tiền 2.300.000 đồng (hai triệu ba trăm nghìn đồng), thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn L phải nộp 37.255.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại anh Diệp Minh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.285.000 đồng theo biên lai thu số 0006129 ngày 15/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

3. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tám